ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 16 /2016/QĐ-UBND	*Hậu Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2016 - 2020

SỞ TƯ PHÁP HẬU GIANG
ĐẾN Số: 1155
Ngày: 08/7/2016
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Điểm a Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số chính sách hỗ trợ hộ chăn nuôi về phối giống nhân tạo gia súc, con giống vật nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi nhằm nâng

cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2016 - 2020.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi heo, trâu, bò, gia cầm (sau đây gọi chung là hộ chăn nuôi), trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp;

b) Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

Các hộ chăn nuôi và người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc khi đáp ứng điều kiện hưởng hỗ trợ thì sẽ được áp dụng hỗ trợ theo nguyên tắc sau:

1. Hỗ trợ về liều tinh heo, liều tinh và vật tư phối giống nhân tạo trâu, bò cho các hộ chăn nuôi thông qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi (sau đây gọi chung là cơ sở), được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh chỉ định và giao kế hoạch. Kinh phí chi trả cho các cơ sở được căn cứ từ đơn giá liều tinh, vật tư theo kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh (sau đây gọi là kế hoạch hàng năm) nhân với số lượng thực tế đã cung cấp cho các hộ chăn nuôi.

2. Hỗ trợ kinh phí trực tiếp một lần cho hộ chăn nuôi:

a) Sau khi các hộ đã mua heo, trâu, bò đực giống; gà, vịt giống bố mẹ hậu bị và có hóa đơn tài chính theo quy định. Mỗi hộ chăn nuôi chỉ được hỗ trợ một lần để mua: Hoặc heo đực giống, hoặc trâu đực giống, hoặc bò đực giống; hoặc gà giống, hoặc vịt giống;

b) Sau khi các hộ đã hoàn tất việc xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học đáp ứng hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Hỗ trợ trực tiếp một lần cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc:

a) Sau khi đã hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn; có chứng chỉ của cơ sở đào tạo, tập huấn được Cục Chăn nuôi chỉ định;

b) Sau khi mua bình chứa Nitơ lỏng và có hóa đơn tài chính theo quy định.

4. Trong trường hợp cùng thời gian, các chương trình, dự án khác có chính sách hỗ trợ giống với một số nội dung hỗ trợ tại Quyết định này thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 3. Một số chính sách hỗ trợ cụ thể

1. Hỗ trợ 100% kinh phí phối giống nhân tạo hàng năm cho heo, trâu, bò; đơn giá liều tinh và vật tư phối giống được tính theo kế hoạch hàng năm.

a) Phối giống nhân tạo cho heo nái sinh sản:

- Loại tinh: sử dụng tinh heo các giống Yorshire, Landrace, Duroc, Pietrain hoặc các tổ hợp lai của chúng từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi do UBND tỉnh chỉ định;

- Mức hỗ trợ không quá 02 liều tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liều tinh cho một heo nái/năm.

b) Phối giống nhân tạo cho trâu, bò cái sinh sản:

- Loại tinh: sử dụng tinh trâu, bò do các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất nằm trong danh mục quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do UBND tỉnh chỉ định;

- Mức hỗ trợ không quá 02 liều tinh/bò hướng thịt/năm, 04 liều tinh/bò hướng sữa hoặc trâu/năm.

- Định mức vật tư hỗ trợ phối giống nhân tạo cho trâu, bò cái sinh sản: 01 cái găng tay, 01 dẫn tinh quản/01 liều tinh; Nitơ lỏng dùng để vận chuyển tinh đi phối giống tối đa 2,0 lít/01 con bò cái sữa có chửa, 1,5 lít/01 con bò cái hướng thịt có chửa và 3,0 lít/01 con trâu cái có chửa; Riêng Nitơ lỏng dùng để bảo quản tinh ở các điểm trung chuyển được tính trên cơ sở thực tế phát sinh và được dự toán trong kế hoạch hàng năm.

c) Điều kiện được hưởng hỗ trợ phối giống nhân tạo cho heo, trâu, bò:

- Hộ chăn nuôi dưới hoặc 10 con heo nái; dưới hoặc 10 con trâu, bò sinh sản, có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được UBND cấp xã xác nhận;

- Sử dụng loại tinh được nêu tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này.

2. Hỗ trợ mua heo, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị:

a) Loại giống:

- Heo đực các giống Yorshire, Landrace, Duroc, Pietrain hoặc các tổ hợp lai của chúng;

- Bò đực các giống Sind, Brahman, Droughtmaster hoặc trâu đực giống nội (đã qua bình tuyển);

- Gà, vịt giống bố mẹ hậu bị (trên 2 tháng tuổi) thuộc các giống được phép lưu hành, đồng thời phù hợp với kế hoạch hàng năm.

b) Đơn giá: theo kế hoạch hàng năm.

c) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị con giống heo, trâu, bò đực giống cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để thực hiện phối giống dịch vụ như sau:

+ Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/1 con heo đực giống từ 06 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 03 con heo đực giống;

+ Mức hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng/1 con bò đực giống từ 12 tháng tuổi trở lên hoặc không quá 25.000.000 đồng/1 con trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ mua 01 con trâu hoặc 01 con bò đực giống.

- Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị gà, vịt giống bố mẹ hậu bị. Mức hỗ trợ bình quân đối với gà, vịt giống không quá 50.000 đồng/1 con; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt giống bố mẹ hậu bị.

d) Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

Để được hỗ trợ, hộ chăn nuôi phải đảm bảo các điều kiện:

- Chăn nuôi các đối tượng heo, trâu, bò đực giống để phối giống dịch vụ hoặc nuôi gà, vịt giống gắn với ấp nở cung cấp con giống; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và cam kết thực hiện nghiêm kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được UBND cấp xã xác nhận;

- Mua loại giống được nêu tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

- Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ mua một trong các đối tượng: Hoặc heo đực giống, hoặc trâu đực giống, hoặc bò đực giống, hoặc gà giống, hoặc vịt giống.

3. Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi:

a) Quy mô công trình:

- Công trình khí sinh học (Biogas) có thể tích tối thiểu là $4m^3$;

- Đệm lót sinh học đối với heo và gia cầm (gà, vịt) có diện tích tối thiểu là $50m^2$.

b) Đơn giá hỗ trợ:

Đơn giá hỗ trợ xây dựng công trình khí sinh học và đệm lót sinh học theo kế hoạch hàng năm.

c) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị xây công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/1 hộ.

d) Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

Để được hỗ trợ, hộ chăn nuôi phải đảm bảo các điều kiện:

- Chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn 05 con heo nái hoặc 10 con heo thịt hoặc 03 con trâu, bò hoặc 200 con gia cầm sinh sản và tương đương; có nhu cầu xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, làm đơn đăng ký và được UBND cấp xã xác nhận;

- Có xác nhận của UBND cấp xã về việc hộ chăn nuôi đã hoàn tất xây mới công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học đáp ứng hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Mỗi hộ chỉ được hưởng hỗ trợ kinh phí để xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

4. Hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo gia súc:

a) Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:

- Mức chi hỗ trợ giảng viên thực hiện theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".

- Mức chi hỗ trợ trực tiếp cho người tham gia khóa đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống gia súc: Hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 70.000 đồng/người/ngày thực học; hỗ trợ tiền đi lại theo mức khoán tối đa không quá 150.000 đồng/người/khóa học. Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí (nếu có). Hỗ trợ chi phí đào tạo theo kế hoạch hàng năm nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 6.000.000 đồng/người.

Để được hỗ trợ, người có nhu cầu tham gia khóa tào tạo, tập huấn phải đảm bảo thỏa mãn các điều kiện: Đã hoàn thành chương trình Trung học phổ thông; dưới 40 tuổi; có nhu cầu, làm đơn đăng ký tham gia khóa đào tạo, tập huấn được UBND cấp xã xác nhận.

b) Hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo cho trâu, bò:

- Mức hỗ trợ một lần theo kế hoạch hàng năm nhưng không quá 5.000.000đ/bình/người;

- Điều kiện để người làm dịch vụ phối giống nhân tạo trâu, bò được hưởng hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh đi phối giống:

+ Đã qua đào tạo, tập huấn có chứng chỉ; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được UBND cấp xã chấp thuận;

+ Mua loại bình có dung tích từ 1,0 đến 3,7 lít và phù hợp với kế hoạch hàng năm; có cam kết bảo quản, sử dụng bình trong thời gian không ít hơn 5 năm và có hóa đơn tài chính mua bình chứa Nitơ lỏng.

Điều 4. Cơ chế tài chính và phương thức hỗ trợ

1. Về hỗ trợ phối giống nhân tạo cho heo, trâu, bò:

- Trên cơ sở đơn đăng ký của chủ hộ chăn nuôi có xác nhận của UBND cấp xã; xác nhận của chủ hộ chăn nuôi về loại tinh thực tế đã nhận hỗ trợ; định kỳ hàng quý, các cơ sở được chỉ định cung cấp liều tinh và vật tư trên địa bàn có trách nhiệm lập bảng tổng hợp số hộ chăn nuôi, loại tinh, số lượng liều tinh, vật tư phối giống đã hỗ trợ theo địa bàn từng xã gửi UBND cấp xã xác nhận.

- Căn cứ đơn giá liều tinh, vật tư theo kế hoạch hàng năm; nội dung, mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quyết định này và thực tế đã hỗ trợ các hộ chăn nuôi về loại tinh, liều tinh và vật tư phối giống theo quy định; các cơ sở xác định kinh phí đã hỗ trợ các hộ chăn nuôi gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, rà soát gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt làm căn cứ thanh toán, hỗ trợ theo quy định và trình Bộ Tài chính đề nghị bổ sung kinh phí hỗ trợ.

2. Về hỗ trợ mua heo, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị:

Căn cứ đơn đề nghị hỗ trợ giống của chủ hộ chăn nuôi đã được UBND cấp xã xác nhận; hóa đơn tài chính đã mua heo đực giống, trâu đực giống, bò đực giống; gà, vịt giống bố mẹ hậu bị; định kỳ hàng quý, UBND cấp xã có trách nhiệm rà soát, tổng hợp danh sách các hộ chăn nuôi (theo địa bàn xã), loại giống, số lượng con giống, giá mua con giống theo hóa đơn, kinh phí hỗ trợ theo quy định gửi Trạm Thú y tổng hợp, tham mưu Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế trình UBND cấp huyện quyết định. UBND cấp huyện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt làm căn cứ thanh toán, hỗ trợ theo quy định và trình Bộ Tài chính đề nghị bổ sung kinh phí hỗ trợ.

3. Về hỗ trợ xây mới công trình xử lý chất thải chăn nuôi:

Căn cứ đơn đăng ký xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học của chủ hộ chăn nuôi có xác nhận của UBND cấp xã; xác nhận của UBND cấp xã về việc đã hoàn tất xây dựng mới công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học đã áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; định kỳ hàng quý, UBND cấp xã có trách nhiệm lập bảng tổng hợp số hộ chăn nuôi, loại công trình, số lượng công trình, giá trị công trình hoàn thành và kinh phí hỗ trợ theo quy định gửi Trạm

Thú y tổng hợp, tham mưu Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế trình UBND cấp huyện quyết định. UBND cấp huyện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt làm căn cứ thanh toán, hỗ trợ theo quy định và trình Bộ Tài chính đề nghị bổ sung kinh phí hỗ trợ.

4. Về hỗ trợ đào tạo, tập huấn:

a) Trên cơ sở danh sách các đơn vị đủ điều kiện đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc do Cục Chăn nuôi chỉ định, các cá nhân có nhu cầu tham gia khóa đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (đã được UBND cấp xã xác nhận) thực hiện đăng ký học và tự đóng chi phí cho các cơ sở đào tạo. Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn và có chứng chỉ, đối tượng được hỗ trợ liên hệ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế để được thanh toán tiền hỗ trợ chi phí đào tạo, tập huấn.

b) Căn cứ đơn đăng ký của cá nhân có nhu cầu về đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc được UBND cấp xã xác nhận; thời gian đào tạo, tập huấn thực tế; chứng chỉ đào tạo, tập huấn do đơn vị đào tạo cấp; định mức hỗ trợ chi phí đào tạo, tập huấn, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế sẽ tổng hợp danh sách, nhu cầu hỗ trợ chi phí đào tạo, tập huấn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để rà soát, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở thanh toán, hỗ trợ chi phí đào tạo, tập huấn cho đối tượng và trình Bộ Tài chính đề nghị bổ sung kinh phí hỗ trợ.

5. Về hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo trâu, bò:

Căn cứ đơn đăng ký của cá nhân có nhu cầu làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc được UBND cấp xã xác nhận; cam kết bảo quản, sử dụng bình trong thời gian ít nhất 5 năm; hóa đơn tài chính mua bình chứa Nitơ lỏng; định kỳ hàng quý, UBND cấp xã tổng hợp danh sách, loại bình, giá mua bình theo hóa đơn, kinh phí hỗ trợ theo quy định gửi Trạm Thú y tổng hợp, tham mưu Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế trình UBND cấp huyện quyết định. UBND cấp huyện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt làm căn cứ thanh toán, hỗ trợ theo quy định và trình Bộ Tài chính đề nghị bổ sung kinh phí hỗ trợ.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách Trung ương; ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách; kinh phí từ các chương trình, dự án; của các tổ chức kinh tế xã hội; các chương trình hợp tác quốc tế và nguồn huy động khác.

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Căn cứ nhu cầu của các đối tượng được hỗ trợ, hàng năm chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Quyết định này. Trong kế hoạch cần thể hiện chỉ tiêu thực hiện, việc chỉ định và công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi, cung cấp liều tinh, con giống và vật tư đảm bảo chất lượng cho người chăn nuôi trên địa bàn tỉnh chủ động lựa chọn và số lượng cụ thể của từng chính sách hỗ trợ hàng năm của từng địa phương; chủ trì xây dựng định mức đơn giá hỗ trợ, dự toán và nguồn kinh phí tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm trình UBND tỉnh để làm căn cứ thanh toán hỗ trợ theo quy định.

b) Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quyết định này tại các huyện, thị xã, thành phố; tổng hợp tình hình thực hiện, kết quả triển khai và kinh phí thực hiện Quyết định này báo cáo UBND tỉnh, Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định đơn giá, định mức hỗ trợ và dự toán kinh phí tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm trình UBND tỉnh đề nghị Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách.

3. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các hộ chăn nuôi thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

4. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Hậu Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hậu Giang: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về nội dung của Quyết định này để người dân trong tỉnh được biết.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể tỉnh: Chỉ đạo thống nhất trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã phối hợp với chính quyền cùng cấp chủ động, tích cực trong công tác thông tin, tuyên truyền nội dung của Quyết định này đến các đối tượng được thụ hưởng.

6. Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến các đối tượng được thụ hưởng về nội dung của Quyết định này;

b) Tổng hợp nhu cầu của các đối tượng được hỗ trợ trên địa bàn quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để làm cơ sở tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kế hoạch hàng năm;

c) Trên cơ sở kế hoạch hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét đề xuất của UBND cấp xã để hỗ trợ cho người dân.

7. Trách nhiệm của UBND cấp xã:

a) Tổ chức niêm yết Quyết định này để các đối tượng thụ hưởng được nêu tại Khoản 2 Điều 1 được biết;

b) Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế cấp huyện điều tra, thống kê nhu cầu của các đối tượng được hỗ trợ trên địa bàn quản lý báo cáo UBND cấp huyện để tổng hợp;

c) Căn cứ vào kế hoạch hàng năm, xem xét xác nhận đơn đăng ký của các đối tượng tại Khoản 2 Điều 1;

d) Công khai danh sách các đối tượng được nhận hỗ trợ, nội dung và kinh phí hỗ trợ trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã, nhà thông tin ấp, khu vực trên địa bàn quản lý;

đ) Nhận kinh phí hỗ trợ từ cấp trên để chi hỗ trợ cho cơ sở và các đối tượng thụ hưởng.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2016.

Điều 8. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đồng Văn Thanh

Nơi nhận:
- VP. Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, các Ban đảng;
- VP: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN, các Đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 8;
- Lưu: VT.KNT.CT

D\2015\NNPTNT\QD\
58.QD VBPQ Chuoi